

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 263/2022/DS-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương.
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng N, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Tổ 1, ấp H, xã T, huyện T1, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 0165, ấp A, xã H1, huyện P, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Ấp P1, xã T3, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04/6/2021 của ông Đặng Hoàng N, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông N là ông Nguyễn Hữu T2 cùng thống nhất trình bày:

Ngày 18/9/2020, ông Phạm Văn L có vay của ông Đặng Hoàng N số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng, thời hạn trả trong vòng 01 (một) tháng kể từ ngày vay, ông L có viết và ký giấy mượn tiền. Đến hạn trả nợ, ông L không trả bất cứ số tiền nào cho ông N, ông N liên hệ yêu cầu ông L trả nợ thì ông L trốn tránh, không gặp. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả cho ông số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi theo suất 10%/năm, tính từ ngày 18/10/2020 đến ngày 20/5/2022 là 19 tháng = 110.390.000đ (Một trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 810.390.000đ (Tám trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

* Bị đơn là ông Phạm Văn L vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; Điều 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Đặng Hoàng N yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn L phải

trả số tiền 700.000.000 đồng và tiền lãi theo suất 10%/năm, tính từ ngày 18/10/2020 đến ngày 20/5/2022 là 19 tháng = 110.390.000đ (Một trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 810.390.000đ (Tám trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) theo giấy vay mượn tiền, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông Phạm Văn L cư trú tại Ấp P1, xã T3, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Bị đơn ông Phạm Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông L không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án, là đã từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.2] Nguyên đơn cung cấp văn bản giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2020 có chữ ký và chữ viết tên Phạm Văn L, có nội dung xác nhận việc ông L có vay của ông N số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng từ ngày 18/9/2020, thời hạn vay một tháng kể từ ngày vay.

[2.3] Đến ngày 18/10/2020 là ngày cuối cùng của trong thời hạn trả nợ, ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cũng không có ý kiến trình bày lý do nên yêu cầu của ông N về việc buộc ông L phải trả cho ông số tiền vay 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu giải quyết tính lãi chậm trả tiền là 10%/năm, tính từ ngày 18/10/2020 đến ngày 20/5/2022 là 19 tháng = 110.390.000đ (Một trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 810.390.000đ (Tám trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) Hội đồng xét xử, xét thấy:

Tại giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2020 của ông L với ông N không thể hiện việc vay có lãi nên ông L không phải chịu tiền lãi trong thời gian vay nợ. Tuy nhiên, ông L phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 10%/năm theo quy định tại Điều 357, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời gian tính lãi: Từ ngày 18/10/2020 đến ngày xét xử 20/5/2022 là 19 tháng \times (10%/12 tháng) \times 700.000.000đ = 110.390.000 đồng. Như vậy, tổng cộng ông L phải trả ông N số

tiền gốc và lãi đến ngày xét xử là: 810.390.000 (tám trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L phải chịu 36.311.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của ông N được chấp nhận.

Ông Đặng Hoàng N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Hoàng N.

Buộc ông Phạm Văn L phải thanh toán cho ông Đặng Hoàng N số tiền gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2022 là 110.390.000đ (một trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng cộng là: 810.390.000 (tám trăm mười triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đặng Hoàng N nếu ông Phạm Văn L chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L phải chịu 36.311.700đ (ba mươi sáu triệu ba trăm mười một nghìn bảy trăm đồng).

Hoàn trả lại ông Đặng Hoàng N số tiền 17.680.000đ (mười bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0043818 ngày 14/02/2022 của Chi Cục Thi Hành án dân sự huyện Củ

Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Án xử công khai có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Hồng Ngọc

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc

